

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

(Dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo đại học của Trường)

### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
  - + Tiếng Việt: **Kinh tế chính trị Mác-Lênin**
  - + Tiếng Anh: **Marxist-Leninist political economy**
- Mã học phần: DCB0312
- Số tín chỉ: 2

Vị trí của học phần trong CTĐT<sup>[2]</sup>

Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
	Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	

- Học phần tiên quyết<sup>[3]</sup>: Không
- Học phần học trước<sup>[4]</sup>: Không
- Học phần song hành<sup>[5]</sup>: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động<sup>[6]</sup>: [100 giờ]
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 giờ
  - + Bài tập, thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm: 12 giờ
  - + Kiểm tra: 4 giờ
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm<sup>[7]</sup>): 64 giờ

### Viện, Bộ môn phụ trách học phần: Viện cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị

- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

1) Họ và tên: TS. Nguyễn Văn Sanh

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0963785092

; Email: [sanhtcnh@gmail.com](mailto:sanhtcnh@gmail.com)

2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hương:

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0978817794

; Email: [linhhuong.epu@gmail.com](mailto:linhhuong.epu@gmail.com)

### 2. Mô tả học phần

**Chương I:** Trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin.

**Chương II:** Trình bày những nội dung cơ bản của hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường, gồm các vấn đề: Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá; thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

**Chương III:** Giá trị thặng dư của nền kinh tế thị trường, gồm các vấn đề: Lý luận của Mác về giá trị thặng dư; Tích lũy tư bản; các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

**Chương IV:** Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, gồm các vấn đề: Quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

**Chương V:** Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, gồm các vấn đề : Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

**Chương VI:** Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, gồm các vấn đề: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam; Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### 3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần <sup>[9]</sup>	Mô tả mục tiêu học phần <sup>[10]</sup> Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.
CSO 2.1	Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên có khả năng hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.
CSO 3.1	Giúp sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị, có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần <sup>[9]</sup>	CDR học phần <sup>[11]</sup>	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <sup>[12]</sup> <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT <sup>[13]</sup>	Mức độ <sup>[14]</sup>
<i>CDR về kiến thức:</i>				
PSO 1.1	CLO 1.1	Nhớ được các khái niệm, nội dung cơ bản của hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	PLO1.1	1
	CLO 1.2	Giải thích được quan hệ sản xuất trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng nhằm tìm ra bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế, phát hiện ra các phạm trù, quy luật kinh	PLO1.3	3

Mục tiêu học phần <sup>[9]</sup>	CDR học phần <sup>[11]</sup>	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <sup>[12]</sup> <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT <sup>[13]</sup>	Mức độ <sup>[14]</sup>
<i>CDR về kiến thức:</i>				
		tế ở các giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người.		
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
PSO 2.1	CLO 2.1	<b>Vận dụng</b> được kiến thức, sự hiểu biết về Kinh tế chính trị Mác-Lênin để nâng cao trình độ lý luận, nắm rõ được bản chất, hiện tượng của các quá trình kinh tế để có cơ sở giải quyết các mối quan hệ liên quan đến học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lenin.	PLO2.2	3
	CLO 2.2	Môn học có khả năng giúp sinh viên nhận thức được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế của đời sống xã hội, tìm ra các quy luật chi phối sự vận động của chúng, giúp con người vận dụng các quy luật kinh tế một cách có ý thức vào hoạt động kinh tế nhằm đạt hiệu quả kinh tế, xã hội cao.	PLO2.3	2
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
PSO 3.1	CLO 3.1	<b>Đánh giá</b> được kiến thức của học phần từ đó hình thành được quan điểm riêng của mình đối với các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, có cái nhìn đúng đắn về các sự kiện kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.	PLO3.1	2
	CLO 3.2	Có niềm tin khoa học, nâng cao tính thiết thực đối với việc thực hành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tại nhà trường.	PLO3.3	2

*Mức độ đóng góp:*

*1: Introduce (Giới thiệu)*

*2: Reinforce (Củng cố)*

*3: Master (Thành thạo)*

## 5. Học liệu

### 5.1. Tài liệu chính:

1. Giáo trình: Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (Bộ GD&ĐT)– NXB Chính trị Quốc gia sự thật 2021

2. Slides bài giảng của giảng viên

## 5.2. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình Triết học Mác-Lênin (cho hệ thống không chuyên lý luận chính trị). Hà Nội, 2019.

2. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin dành cho bậc đại học không chuyên kinh tế chính trị.

3. Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

## 6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

x	Thuyết trình	x	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Công trình nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đồ án
x	Phát vấn	x	Thuyết giảng	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>	Tham quan thực tế
x	Giải quyết vấn đề	x	Phương pháp khác				

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
			LT, KT	BT, TL		
<b>Tuần 1</b>	<b>Bài 1</b>	Chương I. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Chương II. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. I. Lý luận của Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá.	2 lý thuyết	2 thảo luận	CLO 1 CLO 2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 2</b>	Chương II. (tiếp) II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 1 CLO 2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
			LT, KT	BT, TL		
<b>Tuần 2</b>	<b>Bài 3</b>	Chương III. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  I. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư.	2 lý thuyết	2 thảo luận	CLO 2 CLO 3	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 4</b>	Chương III (Tiếp)  II. Tích lũy tư bản  III. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 2 CLO 3	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
<b>Tuần 3</b>	<b>Bài 5</b>	Chương IV. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.  II. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.	1 lý thuyết 3 tiết kiểm tra	1 tiết thảo luận	CLO 3 CLO 4	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 6</b>	Chương V. Cơ cấu xã hội –giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.  I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH  II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 3 CLO 4	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
<b>Tuần 4</b>	<b>Bài 7</b>	Chương V. Kinh tế thị trường định hướng	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 4 CLO 5	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận

Tuần/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT, KT	BT, TL		
	XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam  I. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.  II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.				theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 8</b> Chương V (tiếp) III. Các quan hệ kinh tế ở Việt Nam	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 4 CLO 5	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
<b>Tuần 5</b>	<b>Bài 9</b> Chương VI. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam I. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 5 CLO 6	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 10</b> Chương VI (tiếp) II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	1 lý thuyết 3 tiết kiểm tra	1 tiết thảo luận	CLO 5 CLO 6	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (10 tiết)

## 8. Nhiệm vụ của người học

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## 9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

### 9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

## 9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	
Bài kiểm tra số 1- 50 phút giữa kỳ	30	Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề kiểm tra	CLO1.1, CLO1.2, CLO 2.1	40% 40% 20%
Bài kiểm tra số 2 – (Bài đánh giá tổng hợp kết quả làm Bài tập nhóm)		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.	Rubric	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2,	10% 20% 20% 30% 20%
Bài thi hết học phần	60	Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề thi	CLO1.2, CLO2.1, CLO3.1,	20% 50% 30%

## 9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

### 9.3.1 Các Rubric đánh giá bài tập nhóm

\* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

\* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		Giỏi	Khá	Trung bình	TB yếu	Kém
		8,5 - 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0
<b>1. Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận</b>	25%	Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng, đầy đủ.,	Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ.	Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương	Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ nắm được một phần rất nhỏ nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài	Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình, lúng túng

				ứng với mục tiêu được giao.	thuyết trình	
<b>2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao</b>	25%	Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao.	Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận.	Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài.	Nội dung nhắc đến một ý nhỏ mục tiêu của đề bài.	Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao.
<b>(3) Tính rõ ràng</b>	20%	Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.	Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.	Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết.	Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra có liên quan một phần đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết.	Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết.
<b>(4) khả năng làm việc nhóm,</b>	10%	Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh động, có sử dụng công nghệ.	Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú.	2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình	1/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình	Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài.



				ảnh, nội dung.	ảnh, nội dung.	
<b>(5) Người thuyết trình</b>	10%	Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết trình, có tương tác với người nghe.	Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải.	Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu.	Người trình bày nói chậm, không mạch lạc, không có ngữ điệu.	Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài). Không mạch lạc, nói vấp, nói sai.
<b>6) Trả lời câu hỏi của khán giả</b>	10%	Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi.	Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi.	Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi.	Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu nhiều kiến thức về chủ đề được hỏi.	Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên.

**Chú ý:** Giảng viên có thể linh hoạt theo từng lớp.

- Nếu có thời gian và trình độ chung về THT của lớp tốt, giáo viên có thể yêu cầu SV thuyết trình, dùng 2 tiêu chí cuối.
- Nếu lớp có trình độ chung về THT chưa tốt lắm. và sinh viên cần nhiều hỗ trợ của giáo viên hơn về mặt nội dung, thì giáo viên có thể không yêu cầu SV thuyết trình mà chỉ chuẩn bị bài như yêu cầu. Thời gian còn lại dùng cho các hoạt động thảo luận. Như vậy 2 tiêu chí dưới cùng không dùng, và 20% điểm đó có thể được cộng vào tiêu chí 3 và 4.

### 9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng					Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	4,0-0,0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết học	Tham dự trên lớp dưới 80% số tiết học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	

### 9.3.3. Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.</li> <li>– Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic, đề cập được các ý chính và mở rộng được ý bằng các ví dụ.</li> <li>– Còn vài lỗi chính tả.</li> <li>– Tạo ấn tượng tốt với người đọc</li> </ul>	Mức A	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trả lời đúng 70-80% câu hỏi</li> <li>– Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>– Có khá nhiều lỗi chính tả.</li> <li>– Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc</li> </ul>	Mức B	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trả lời đúng 50-60% câu hỏi</li> <li>– Trình bày không rõ ý, chưa logic.</li> <li>– Nhiều lỗi chính tả.</li> <li>– Tạo ấn tượng thỏa đáng đối với người đọc</li> </ul>	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trả lời đúng 40-50% câu hỏi.</li> <li>– Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%.</li> <li>– Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.</li> <li>– Mắc nhiều lỗi</li> <li>– Nhiều lỗi chính tả.</li> <li>– Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc</li> </ul>	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Các trường hợp còn lại</li> </ul>	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

### 9.3.4. Các Rubric đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu của Bài tập lớn</li> <li>– Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học</li> </ul>	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 – 10

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>- Trả lời được tất cả các câu hỏi của Giảng viên</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ yêu cầu của Bài tập lớn</li> <li>- Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học</li> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>- Trả lời đúng 70-80% câu hỏi của GV.</li> </ul>	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện hầu hết yêu cầu của Bài tập lớn</li> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng.</li> <li>- Trả lời đúng 50-60% câu hỏi của GV.</li> </ul>	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được ít yêu cầu của Bài tập lớn</li> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng, chưa hiểu hết các nhiệm vụ được giao.</li> <li>- Trả lời đúng 30-40% câu hỏi của GV.</li> </ul>	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trường hợp còn lại</li> </ul>	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

**Viện trưởng**



**TS. Nguyễn Văn Sanh**

**Trưởng bộ môn**



**TS. Nguyễn Văn Sanh**

**Người soạn thảo**



**TS. Nguyễn Văn Sanh**